

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST
Ngày 14/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Bích Thủy
2/ Bà Phạm Thị Lệ Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Tuấn Đ, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội; địa chỉ: Tòa nhà C5, Khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng- Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N- Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/10/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị với anh Phạm Tuấn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 13/9/2007. Trong thời gian chung sống có với nhau 02 con chung là Phạm Bá Hữu K và Phạm Thị Kim T. Sau khi kết hôn chị phát hiện anh Đ là người ham mê cờ bạc, gây ra nhiều nợ nần nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh Đ bỏ cờ bạc lo làm ăn nhưng anh Đ lại có hành vi bạo lực nhiều lần chị phải nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Chị cứ tưởng anh Đ sẽ thay đổi nhưng càng ngày anh Đ càng có nhiều hành vi bạo lực hơn, hăm dọa đến tính mạng làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị và các con nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị cảm thấy giữa chị và anh Đ không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Tuấn Đ để chị và các con có cuộc sống tốt hơn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con là Phạm Bá Hữu K, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 15/10/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà cấp 3 xây dựng trên thửa đất số 1362, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m², tại thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Q. Nhà có giá trị 30.000.000 đồng, đất có giá là 700.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu chia tài sản chung chị L nhận toàn bộ nhà, đất và có trách nhiệm thôi lại cho anh Đ ½ giá trị nhà, đất là 365.000.000 đồng. Nay chị L rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện nay còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi- Phòng giao dịch huyện M số tiền 50.000.000 đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu chị và anh Đ mỗi người có trách nhiệm trả ½ khoảng nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2022 bị đơn anh Phạm Tuấn Đ trình bày: Anh công nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 13/9/2007. Trong quá trình chung sống giữa anh chị cũng có xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế. Chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Bá Hữu K, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 15/10/2014. Chị L yêu cầu được nuôi 02 con chung yêu cầu anh cấp dưỡng cho một con mỗi tháng 1.000.000đ anh không đồng ý. Nếu trường hợp Tòa án xét xử cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng hiện nay còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi- Phòng giao dịch huyện M số tiền 50.000.000 đồng, anh Đ tự chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 các văn bản trình bày khác người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Ngày 05/11/2019 ông Phạm Tuấn Đ đã đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn tại Ngân hàng CSXH huyện M để chăn nuôi bò sinh sản với số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất là 7,92%/năm; thời hạn vay đến ngày 05/11/2023. Ngân hàng đã giải ngân cho hộ ông Phạm Tuấn Đ vay nhiều lần, với tổng số tiền vay là 50.000.000đồng. Số tiền còn nợ tính đến ngày 14/3/2023: nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 97.644 đồng. Nay vợ chồng ông Phạm Tuấn Đ và bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà L cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Tuấn Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Bá Hữu K, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 15/10/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của nguyên đơn.

+ Về nợ chung: Chị L và anh Đ cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đồng nợ gốc và 97.644 đồng nợ lãi.

Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Nguyễn Thị L khởi kiện thì anh Phạm Tuấn Đ đang cư trú tại thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Q. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do; Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tuấn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Q. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Đ ham chơi cờ bạc, gây nợ nần và có hành vi bạo lực, đánh đập chị, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tuấn Đ

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên chị L trở về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do anh Đ không thương yêu vợ con và có hành vi bạo lực đối với chị, hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Đ. Mặt khác, chị L và anh Đ đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc kinh tế. Anh Đ trình bày ý kiến là không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ thì anh Đ không đến Tòa án để làm việc, không có thiện chí để Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Tuấn Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tuấn Đ có 02 con chung là Phạm Bá Hữu K, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 15/10/2014. Cả chị L và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, 02 con chung Phạm Bá Hữu K và Phạm Thị Kim T đang sống cùng với chị L. Anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án tuy có yêu cầu là được nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh Đ đã không thể hiện được ý chí, nguyện vọng mong muốn của mình sẽ nuôi dưỡng chăm sóc tốt cho các con. Hơn nữa, cả hai con chung đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống và các quyền lợi khác cho cháu Kiên và cháu Tuyền, cũng như để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu Kiên và cháu Tuyền. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, giao 02 con chung Phạm Bá Hữu K và Phạm Thị Kim T cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị L được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh Phạm Tuấn Đ cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng có các tài sản chung gồm: Căn nhà cấp 3 xây dựng trên thửa đất số 1362, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m², tại thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Nhà có giá trị 30.000.000 đồng, đất có giá là 700.000.000 đồng, chị L yêu cầu chia tài sản chung chị L nhận toàn bộ nhà và đất và có trách nhiệm thối lại cho anh Đ ½ giá trị nhà và đất là 365.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 06/12/2022 chị L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa chị L rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Tuấn Đ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất tại thửa đất số 1362, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m², tại thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tuấn Đ trình bày vợ chồng đang nợ Ngân hàng chính sách xã hội 50.000.000 đồng. Xét khoản nợ chung của chị L và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 08/11/2022, Ngân hàng chính sách xã hội có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Tuấn Đ và chị Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/3/2023 là 50.097.644 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi là 97.644 đồng; đồng thời yêu cầu anh Đ và chị L tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị L thừa nhận hiện nay anh, chị đang nợ Ngân hàng

chính sách xã hội tổng số tiền đúng như đại diện Ngân hàng chính sách xã hội đã trình bày.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Anh Phạm Tuấn Đ và chị Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đồng; tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/3/2023) thì anh Đ và chị L còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tổng số tiền là 50.097.644đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000đồng; nợ lãi là 97.644đồng. Anh Đ và chị L đều thừa nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên anh Đ và chị L phải cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội. Do chị L và anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu anh Đ và chị L phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể: Anh Đ và chị L, mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là $50.097.644\text{đồng} : 2 = 25.048.822\text{đồng}$.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh Phạm Tuấn Đ và chị Nguyễn Thị L, mỗi người phải chịu $25.048.822\text{ đồng} \times 5\% = 1.252.000\text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

Số tiền 8.175.000đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị L phải chịu.

Ngân hàng chính sách không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Tuấn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Bá Hữu K, sinh ngày 19/8/2008 và Phạm Thị Kim T, sinh ngày 15/10/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị L không yêu cầu anh Phạm Tuấn Đ cấp dưỡng cho con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản là nhà, đất tại thửa đất số 1362, tờ bản đồ số 12, diện tích 150m², tại thôn 6, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với phần yêu cầu đã bị đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tuấn Đ, mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 25.048.822đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng); trong đó: Nợ gốc là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Nợ lãi là 48.822đồng (Bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng có mã món vay là 3500021622 (sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay).

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 1.252.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, được khấu trừ vào số tiền 8.175.000đồng (Tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003531 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị L số tiền 6.623.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng *ngàn đồng*).

Anh Phạm Tuấn Đ phải chịu và 1.252.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/3/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Phạm Thị Lệ Nguyên

Phạm Minh Vương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

Nguyễn Thanh Trương

Nguyễn Kha

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Lê Thị Thanh Sơn Đặng Văn Minh

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

